

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2021/HS-ST**

Ngày: 25 – 5 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT – TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Văn Công G; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1993, tại H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh H; Chỗ ở: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Văn Bé D (1963); Mẹ: Nguyễn Thị M, 1963; Bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh chị em; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 29/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt Văn Công G số tiền 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 65/2017/HSST. Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Giáo chưa nhận được Bản án số 65/2017/HSST và Gám cũng chưa liên hệ để đóng tiền án phí.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn M – Chủ hộ kinh doanh T; địa chỉ: Số nhà 628, đường ĐT 741, tổ 2, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- Bà Sử Thị H, sinh năm: 1968

- Chị Lâm Thị Mỹ D, sinh năm: 1988

- Anh Lâm Hoàng V, sinh năm: 2000

- Chị Lâm Thị Mỹ D, sinh năm: 1996

Bà H, chị D, anh V, chị D cùng cư trú tại: Khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bà H, chị D, anh V, chị D vắng mặt

- Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1990; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/10/2018, Văn Công G đi thi giấy phép lái xe hạng C tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe thuộc Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) – Địa chỉ: Số 8 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thi xong, G ra quán cà phê đổi điện công Trung tâm ngồi uống nước. Tại đây, một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi G có muốn làm thêm một giấy phép lái xe tương tự thông qua hình thức xin cấp lại giấy phép lái xe do bị mất hay không. G hỏi chi phí làm bao nhiêu thì T nói giá 1.500.000 đồng, G đồng ý. Theo yêu cầu của T, G đi photocopy Giấy chứng minh nhân dân số 363716587 do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 02/12/2011 mang tên Văn Công G và chụp ảnh 3x4 đưa cho T. T lấy số điện thoại của G để liên hệ. Khoảng 10 ngày sau, G đến Trung tâm nhận Giấy phép lái xe số 740128008448 do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2018. Khoảng hơn 01 tháng sau khi thi sát hạch lái xe, T gọi nói G đến địa điểm cũ nơi đã từng gặp T lần trước nhận giấy phép lái xe. Sau đó, T giao cho G 01 (một) Giấy phép lái xe số 740128008448 do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2018. Qua quan sát, G thấy mọi thông tin trên Giấy phép lái xe số 740128008448 nhận từ T đều giống với thông tin trên Giấy phép lái xe số 740128008448 nhận tại Trung tâm, chỉ có hình ảnh của G in trên hai giấy phép lái xe này là khác nhau do được chụp hai lần khác nhau. Khi tham gia giao thông, G sử dụng Giấy phép lái xe nhận từ Trung tâm, không sử dụng Giấy phép lái xe nhận từ T.

Khoảng tháng 9/2019, G đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Gạch T – Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là công ty T) mua gạch và quen biết với một người đàn ông tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) làm bốc xếp gạch tại đây. L nói với G là L đang cần bán xe mô tô hiệu Honda Winner được L mua từ người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ thì đã bị mất giấy tờ xe, Lai không thể đi xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô được do L không phải là chủ xe. L hỏi G có quen biết ai muốn mua xe thì giới thiệu để L bán với giá 6.000.000 đồng. G yêu cầu L cho xem tình trạng của xe. Sau khi xem xong, G thấy xe mô tô đang được lắp biển số 83P3-460.44, số khung: RLHKC2603GY099542, số máy: KC26E1136038, màu vàng đen, tình trạng xe còn mới và giá bán rẻ nên G nói với L là để G về mượn tiền mua lại xe này, L đồng ý. Trong chiều cùng ngày, G quay lại công ty T đưa Lai 6.000.000 đồng, rồi điều khiển xe mô tô biển số 83P3-460.44 về phòng trọ của mình tại phòng số 5, lock 43, đường N, khu phố 8, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương và sử dụng làm phương tiện đi lại. Một tháng sau, G tháo lớp keo dán màu vàng đen của xe mô tô biển số 83P3-460.44 ra thì thấy xe có màu sơn gốc là màu đỏ đen và xe bị gãy, trầy xước nhiều chỗ nên G đem xe đi sửa chữa và sơn lại màu xanh đen.

Khi mua xe mô tô biển số 83P3-460.44, L có nói cho G biết về tài khoản Facebook tên “Nguyễn Trọng Toàn” có nhận làm giấy tờ xe chính chủ. Sau đó, G nảy sinh ý định làm biển số mới thay thế biển số 83P3-460.44 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do G đứng tên chủ sở hữu nên G sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, gắn sim số 0927.069.694 và tài khoản Facebook tên “Nhok Gam” liên hệ với tài khoản Facebook tên “Nguyễn Trọng Toàn” đặt làm giả. Toàn báo giá 1.400.000 đồng và phải đặt cọc trước số tiền 400.000 đồng bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản ngân hàng do Toàn cung cấp, G đồng ý. Theo yêu cầu của Toàn, G gửi hình ảnh Giấy chứng minh nhân dân của G, số khung và số máy cùng màu sơn xanh đen hiện tại của xe mô tô biển số 83P3-460.44 qua tài khoản Facebook cho Toàn và đến Bưu điện Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát nộp tiền vào tài khoản ngân hàng cho Toàn. Hiện tại, G không nhớ số tài khoản này cũng như không nhớ thời gian nộp tiền do không còn lưu lại tin nhắn và không còn giữ giấy nộp tiền.

Khoảng hơn một tuần sau khi liên hệ với Toàn, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) giao cho G 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 do Công an huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 22/02/2018 tại khu vực phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, G đưa 400.000 đồng cho người này. G kiểm tra thấy trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 ghi các thông tin: Xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 95E1-604.52, số

khung: 2603GY099542, số máy: KC26E1136038, màu xanh trắng đen, tên chủ xe Văn Công G. Khoảng một tuần sau, một người đàn ông (không rõ lai lịch) giao cho G 01 (một) biển số 95E1-064.52, G đưa cho người này thêm 600.000 đồng. Gầm kiểm tra thấy biển số xe này không giống với biển số đăng ký ghi trên Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 nên G yêu cầu Toàn làm lại biển số sao cho trùng khớp với giấy chứng nhận, Toàn nói G trả thêm 200.000 đồng, G đồng ý. Khoảng 03 ngày sau, một người đàn ông (không rõ lai lịch) giao cho G 01 (một) biển số 95E1-604.52, G trả 200.000 đồng cho người giao. Sau đó, G tháo biển số 83P3-460.44 đang được gắn trên xe mô tô hiệu Honda Winner và lắp biển số đăng ký 95E1-604.52 vào, rồi sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Đối với 02 biển số 83P3-460.44 và 95E1-064.52, G cất giữ tại phòng trọ của mình.

G có mối quan hệ tình cảm với Nguyễn Thúy D (sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau) và hai người có 01 con chung, D tạm trú tại khu nhà trọ của lò gạch T thuộc ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 17/11/2019, G điều khiển xe mô tô Honda Winner gắn biển số 95E1-604.52 đến lò gạch T thì gặp anh trai của D là Nguyễn Vũ L (sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau). Tại đây, L nói với G là L mới mua xe mô tô hiệu Honda Sonic và chưa đăng ký biển số, L đã đem xe cầm cố tại cửa hàng T – Địa chỉ: Số 628, Đường ĐT741, tổ 2, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương với số tiền 18.500.000 đồng, sắp đến ngày đi đăng ký biển số nhưng L không có tiền để chuộc xe nên L hỏi mượn xe mô tô gắn biển số 95E1-604.52 mà G đang sử dụng để đem đi cầm cố lấy tiền chuộc xe mô tô của L về đi đăng ký biển số, G đồng ý.

Trưa ngày 17/11/2019, G cầm theo Giấy phép lái xe số 740128008448 nhận từ Tuấn, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 và điều khiển xe mô tô gắn biển số 95E1-604.52 chở L đến cửa hàng T. Tại đây, G yêu cầu chủ cửa hàng là ông Lê Văn M (sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương) cầm cố xe mô tô gắn biển số 95E1-604.52 và đưa cho M Giấy phép lái xe số 740128008448 nhận từ Tuấn cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145. Sau khi kiểm tra xe mô tô và giấy tờ mà G cung cấp, M thấy G là chủ sở hữu nên M đồng ý cầm cố xe mô tô gắn biển số 95E1-604.52 với giá 18.500.000 đồng, G đồng ý. M lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản ngày 17/11/2019 với nội dung: Văn Công G thế chấp xe Winner biển số 95E1-604.52, số máy 136038, số khung 099542, số tiền cầm 18.500.000 đồng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày 17/11/2019 đến ngày 17/12/2019. Tuy nhiên, G

không nhận 18.500.000 đồng từ M mà nhận lại xe mô tô Honda Sonic của L. (Bút lục 24, 45 – 56, 125 – 134, 151 – 162, 185 - 192)

Ngày 03/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát nhận được tin báo về tội phạm từ Phòng PA06 – Công an tỉnh Bình Dương về hành vi mua bán giấy tờ giả nhưng không rõ đối tượng. Qua xác minh đến ngày 20/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát tiến hành mời đối tượng Văn Công G làm việc, G đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên và giao nộp 02 (hai) biển số xe mô tô 83P3-460.44 và 95E1-064.52. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát thu giữ tại cửa hàng T gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 do Công an huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 22/02/2018.

- 01 (một) Giấy phép lái xe số 740128008448 do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2018.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, số máy KC26E1136038, số khung RLHKC2603GY099542, lắp biển số 95E1-604.52.

- 01 (một) Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản ngày 17/11/2019.

Ngày 12/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo thu giữ của Văn Công G 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, gắn sim số 0927.069.694.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận toàn bộ diễn biến sự việc như Cáo trạng đã thể hiện.

Tại Bản cáo trạng số 74/CT – VKS - BC ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Văn Công G về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Năm 2018, bị cáo có hành vi làm giả 01 giấy phép lái xe, bị cáo thực hiện hành vi tại thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên nơi kết thúc điều tra là thị xã Bến Cát. Đồng thời năm 2019 bị cáo thực hiện hành vi làm giả 01 giấy đăng ký xe, 02 biển số xe tại thị xã Bến Cát. Căn cứ khoản 1 Điều 269 Bộ luật tố tụng Hình sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 11/10/2018 đến ngày 17/11/2019, Văn Công G có hành vi tham gia làm giả 04 (bốn) tài liệu của cơ quan, tổ chức gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 do Công an huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 22/02/2018; 01 (một) Giấy phép lái xe số 740128008448 do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2018; 02 (hai) biển số xe có biển số kiểm soát 95E1-064.52 và 95E1-604.52.

[2.2] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, con dấu. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy trước tác hại nhưng vẫn thực hiện hành vi, điều đó cho thấy lỗi cố ý trong hành vi phạm tội của bị cáo. Năm 2018 bị cáo thực hiện hành vi làm giả giấy phép lái xe, đến năm 2019 tiếp tục làm giả 01 giấy đăng ký xe và 02 biển số xe. Như vậy từng lần bị cáo thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu, con dấu”, riêng lần phạm tội năm 2019 bị cáo làm giả 03 tài liệu, con dấu. Do đó đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Cáo trạng số 74/CT – VKSBC ngày 23/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi bị cáo thực hiện: Bị cáo làm giả nhiều lần, nhiều tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức thể hiện tính xem

thường pháp luật, gây khó khăn cho các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý về phương tiện và điều khiển phương tiện giao thông. Tuy nhiên cũng cần xem xét đến mục đích bị cáo làm giả chỉ để phục vụ cho nhu cầu cá nhân.

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp nhận thức pháp luật hạn chế, có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó cũng cần xem xét đến ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo vì có tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về vật chứng: Áp dụng các Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.1] 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 067145 do Công an huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 22/02/2018; 01 (một) Giấy phép lái xe số 740128008448 do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2018, đây là vật chứng của vụ án nên cần lưu hồ sơ.

[6.2] 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, số máy KC26E1136038, số khung RLHKC2603GY099542 và biển số xe số kiểm soát “83P3 – 460.44” là tài sản hợp pháp của ông Lâm Văn Dũng bị mất. Ông D đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã trao trả cho đại diện hợp pháp của ông D là chị Lâm Thị Mỹ D là đúng quy định.

[6.3] 02 biển số xe mô tô hai bánh bằng kim loại, nền trắng, viền đen có “Cảnh sát hiệu” và các ký tự dập nổi màu đen thành hai hàng với các nội dung “95E1-604.52”, “95E1-064.52” là tài liệu giả nên chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý theo thẩm quyền.

[6.4] 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, màu đen, là phương tiện bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 sim số 0927.069.694 bị cáo dùng để liên lạc cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại các Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.5] Đối với vụ việc xe 83P3 – 460.44 bị mất trộm xảy ra tại địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và tiêu thụ tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, do không thuộc thẩm quyền nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an Thị xã Bến Cát đã thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Văn Công G phạm tội “Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức”.

Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Áp dụng các Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen (máy bị trầy xước, không kiểm tra được số model, số IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

Tịch thu tiêu hủy 01 Sim số 0927.069.694 (không kiểm tra được số Seri).

(Hiện được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 27/4/2021 giữa Công an thị xã Bến Cát và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Bình Dương;
- VKSND T. Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu H.s; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga